TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TÂY NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/DSST
Ngày: 22-3-2018.
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hưởng**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Văn Lộc

Ông Mai Trần Phúc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa***: Ông Võ Minh Mẫn- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 20/2018/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T**,** sinh năm 1985

Địa chỉ: tổ 6, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1975; vắng mặt.

Ông Đặng Văn T, sinh năm 1972; có mặt

Cùng địa chỉ: tổ 10, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2017 cùng các lời khai tại tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Chị Nguyễn Thị Ngọc T (nguyên đơn) trình bày:

Chị có làm hụi thảo và Bà Huỳnh Thị T, Ông Đặng Văn T có chơi của chị các dây hụi như sau:

Dây thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng hai dây, tháng khui một lần, khui vào ngày 09/6/2016 AL đến ngày 09/2/2018 hụi mãn, hụi gồm 44 phần, bà T tham gia 02 chân hụi và hốt lần thứ 9 ngày 09/02/2017 (AL), kêu 250.000 đồng, trừ hụi thảo

500.000 đồng hốt 02 phần được tất cả 35.500.000 đồng, sau đó đóng lại 05 lần hụi chết số tiền 10.000.000 đồng, sau đó ngưng đóng từ tháng 08/2017, đến nay còn 08 lần số tiền 16.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng (02 dây), tháng khui một lần, khui vào ngày 25/12/2016 AL đến ngày 25/9/2018 hụi mãn, hụi gồm 46 phần, bà T tham gia 01 phần hụi và hốt lần thứ 04 ngày 25/03/2017 (AL), kêu 600.000 đồng, trừ hụi thảo 1.000.000 đồng hốt 01 phần được tất cả 32.600.000 đồng, sau đó đóng lại 03 lần hụi chết số tiền 6.000.000 đồng, sau đó ngưng đóng từ tháng 07/2017, đến nay còn 16 lần số tiền 32.000.000 đồng.

Dây thứ ba: Hụi 2.000.000 đồng (01 dây), tháng khui một lần, khui vào ngày 10/03/2017 AL đến ngày 10/12/2018 hụi mãn, hụi gồm 23 phần, bà T tham gia 01 phần hụi và hốt lần thứ 03 ngày 10/5/2017 (AL), kêu 460.000 đồng, trừ hụi thảo 1.000.000 đồng hốt 01 phần được tất cả 34.800.000 đồng, sau đó đóng lại 03 lần hụi chết số tiền 6.000.000 đồng, sau đó ngưng đóng từ tháng 08/2017, đến nay còn 17 lần số tiền 34.000.000 đồng.

Dây thứ tư: Hụi 1.000.000 đồng (01 dây), tháng khui một lần, khui vào ngày 22/10/2016 AL đến ngày 22/12/2018 hụi mãn, hụi gồm 27 phần, bà T tham gia 01 phần hụi và hốt lần thứ 06 ngày 22/3/2017 (AL), kêu 280.000 đồng, trừ hụi thảo 500.000 đồng hốt 01 phần được tất cả 19.620.000 đồng, sau đó đóng lại 03 lần hụi chết số tiền 3.000.000 đồng, sau đó ngưng đóng từ tháng 07/2017, đến nay còn 18 lần số tiền 18.000.000 đồng. (trước đây tính nhầm khai 21.000.000 đồng)

Tổng số tiền hụi bà T còn nợ chị là 100.000.000 đồng, chị có đến nhà đòi tiền hụi nhưng bà T trốn tránh cố tình không trả tiền cho chị.

Nay chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh buộc Bà Huỳnh Thị T và Ông Đặng Văn T trả số tiền hụi là 100.000.000 đồng, không tính lãi.

Về án phí: Yêu cầu Bà T, ông T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị yêu cầu ông T, bà T trả cho chị số tiền 100.000.000 đồng, không tính lãi suất.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp cho Tòa án: Bản sao chứng minh nhân dân; Bản sao hộ khẩu; Bản sao danh sách hụi viên; Bản chính danh sách hụi viên; Giấy bà T ký nhận tiền hụi.

Bị đơn Ông Đặng Văn T trình bày: ông là chồng của Bà Huỳnh Thị T, vợ chồng ông chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Do làm ăn lỗ lã nên tháng

07/2017 (AL) sau khi hốt hụi của chị T xong bà T bỏ nhà đi đâu không biết, bà T có điện thoại về báo gia đình bỏ đi nói đi làm có tiền trả nợ hết mới về, gia đình đừng đi tìm nữa. Việc bà T chơi hụi và vay mượn của ai ông không biết, hàng ngày ông làm nghề trồng nấm rơm, mỗi khi làm ăn lời ông có đem tiền về nhà cho bà T, khi ông thiếu tiền làm ăn thì ông hỏi bà T đưa tiền nhưng ông không biết tiền đó là tiền vay hay tiền hụi.

Nay chị T làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh buộc vợ chồng ông trả số tiền hụi là 100.000.000 đồng, không tính lãi, ông đồng ý trả số tiền hụi trên cho chị T với điều kiện bà T phải về để đối chứng việc chơi hụi này. Hiện nay bà T đã bỏ đi đâu ông không biết, gia đình không liên lạc được với bà T. Ông có biết việc bà T chơi hụi của chị T, thấy vào gom tiền hụi chứ không biết chơi hụi bao nhiêu hay chơi như thế nào.

Bị đơn Bà Huỳnh Thị T vắng mặt không lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 100.000.000 đồng tiền gốc không tính lãi suất.

Bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T, bà T, ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị T có mặt tại phiên tòa. Bị đơn là ông T có mặt, bà T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều

228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T.

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Về tiền hụi: Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu bị đơn Ông Đặng Văn T, Bà Huỳnh Thị T trả tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng không tính lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy tại các danh sách hụi mở 1.000.000 đồng và 2.000.000 đồng/tháng kêu 01 lần bà T tham gia như sau:

Dây 1: Hụi 1.000.000 đồng/tháng mở hụi ngày 09/6/2016 AL hụi mãn ngày 09/02/2018 gồm 44 phần, bà T tham gia 02 phần hốt lần thứ 9 đóng đến tháng 7/2017, ngưng đóng từ tháng 8/2017 còn 08 lần số tiền 16.000.000 đồng hụi đã mãn.

Dây 2: Hụi 2.000.000 đồng/tháng mở hụi ngày 25/12/2016Al hụi mãn ngày 25/9/2018AL gồm có 46 phần, bà T tham gia 01 phần hốt xong đóng đến tháng 6, ngưng đóng từ tháng 7/2017 là 16 lần số tiền 32.000.000 đồng; trong đó đã qua 07 tháng số tiền 14.000.000 đồng còn 08 lần chưa đến ngày đóng hụi số tiền 18.000.000 đồng.

Dây 3: Hụi 2.000.000 đồng/tháng mở hụi ngày 10/3/2016AL mãn hụi ngày 10/12/2018AL gồm 23 phần, bà T tham gia 01 phần hốt xong đóng hụi chết đến tháng 7/2017, ngưng đóng từ tháng 8/2017 còn 17 lần số tiền 34.000.000 đồng; trong đó đã qua 06 tháng số tiền 12.000.000 đồng, chưa đến ngày đóng 11 lần số tiền 22.000.000 đồng.

Dây 4: Hụi 1.000.000 đồng/tháng mở hụi ngày 22/10/2016Al mãn hụi ngày 22/12/2018Al gồm có 27 phần, bà T tham gia 01 phần kêu hốt lần thứ 6, sau hốt đóng được 03 lần đến tháng 6, ngưng đóng hụi từ tháng7/2017Al còn 18 lần; trong đó đã qua 07 tháng số tiền 7.000.000 đồng, chưa đến ngày đóng còn 11 lần số tiền 11.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng; trong đó đã qua chưa đóng số tiền 49.000.000 đồng, chưa đến ngày đóng số tiền 51.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và chị T đã thông báo cho bà T trả số tiền nêu trên nhưng bà T không thực hiện nên chị T yêu cầu bà T, ông T trả số tiền vay 100.000.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận.

[3] Bị đơn Bà Huỳnh Thị T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến về tiền hụi, nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của bà T.

Bị đơn Ông Đặng Văn T (chồng bà T) xác định bà T chơi hụi thiếu của chị T bao nhiêu tiền ông không biết, vì bà T đã bỏ nhà đi do làm ăn bị thua lỗ dẫn đến nợ nần, ông đồng ý trả tiền cho chị T nhưng phải có mặt bà T để đối chứng số tiền hụi của chị T. Ông T xác định ông làm nấm rơm không có tiền thì kêu bà T đưa tiền nhưng ông không biết tiền đâu bà T có, như vậy việc bà T tham gia chơi hụi ông T biết và bà T hốt hụi nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông T phải có nghĩa vụ thanh toán nợ với bà T là hợp lý.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử buộc bị đơn Ông Đặng Văn T, Bà Huỳnh Thị T trả cho nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 100.000 đồng; trong đó 49.000.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, còn lại 51.000.000 đồng trả số tiền theo dây hụi vào ngày kêu hụi hàng tháng cho đến hết số tiền theo thời gian hụi mãn là không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Ông Đặng Văn T, Bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; **xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Bà Huỳnh Thị T và ông Đặng Văn T trả cho nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng; trong đó 49.000.000 (Bốn mươi chín triệu) đồng trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, còn lại 51.000.000 (Năm mươi mốt triệu) đồng trả số tiền theo dây hụi vào ngày kêu hụi hàng tháng cho đến hết số tiền theo thời gian hụi mãn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn Ông Đặng Văn T, Bà Huỳnh Thị T phải chịu 5.000.000 (Năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Ngọc T được nhận lại số tiền 2.575.000 (Hai triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018632 ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Chi chục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H Châu Thành;
- THADS H Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Thị Hưởng